

Bản án số: 135/2023/HS-PT
Ngày 12-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quân Vương;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch;

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 120/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Dương Minh T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2023/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Dương Minh T, sinh năm 1983, tại Bình Dương; nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Cạo mủ cao su; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Dương Văn P, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1963; vợ tên Trần Thị L, sinh năm 1988; bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2006 và nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2022 đến ngày 15/3/2023, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Dương Minh T: Ông Nguyễn Đắc Minh S - Luật sư Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Trong vụ án còn có 10 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 14/12/2022, Dương Minh T đến nhà bà Trần Thị T1 tại ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương để tìm bà Nguyễn Ngọc Q (Q là con gái bà T1) lấy tiền mà bà Q nợ T. Tại đây giữa T và bà T1 xảy ra xích mích, T dùng chân đạp vào ngực bà T1 (không gây thương tích) do bà T1 bị bệnh tim và động kinh nên bị co giật, phải chuyển cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh B. Hiện tại đã xuất viện, ổn định.

Cùng ngày, bà Nguyễn Ngọc Q đã làm đơn tố giác hành vi cho vay lãi nặng của Dương Minh T. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D xác định trong khoảng thời gian từ tháng 6/2019 đến tháng 12/2022, tại địa bàn xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương, Dương Minh T đã cho 09 người dân vay tiền với lãi suất cao (*vay số tiền 25.000.000 đồng góp gốc và lãi trong vòng 60 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng; vay số tiền 50.000.000 đồng góp gốc và lãi trong vòng 60 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng; vay số tiền 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng với lãi suất vay phải trả theo tháng là 10% đến 15%.*). Mỗi lần cho người dân vay tiền, T đều viết giấy vay tiền, nội dung trên giấy chỉ thể hiện số tiền cho vay, thời hạn trả mà không ghi mức lãi suất cho vay. Lãi suất vay được thỏa thuận bằng lời nói giữa T với người vay. Hàng ngày, hàng tháng người vay đến nhà T ở ấp C, xã T, huyện D để trả tiền lãi hoặc chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho T. Đối với một số người vay, để đảm bảo khoản vay, T giữ căn cước công dân, thẻ ATM (cùng mật khẩu rút tiền), sổ bảo hiểm của người vay.

Số người mà T đã cho vay với số tiền và lãi suất cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Ngọc Q vay tiền của Dương Minh T 05 lần tại nhà T ở ấp C, xã T, huyện D.

- Lần 1: Vào ngày 06/6/2022, bà Q vay T số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) với lãi suất 15%/tháng, tương ứng với tiền lãi mỗi tháng là 1.500.000 đồng. T lấy trước tiền lãi 1 tháng, tương ứng số tiền 1.500.000 đồng và đưa cho bà Q số tiền 8.500.000 đồng. Bà Q đã trả lãi cho T được 07 tháng (*tháng 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12/2022*) với tổng số tiền 10.500.000 đồng (*mười triệu năm trăm nghìn đồng*). Hiện bà Q còn nợ T số tiền gốc 10.000.000 đồng.

- Lần 2: Vào ngày 06/7/2022, bà Q vay T số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) với hình thức trả tiền lãi suất 15%/tháng, tương ứng với tiền lãi mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Bà Q đã trả lãi cho T 06 tháng (*tháng 7, 8, 9, 10, 11, 12/2022*) với tổng số tiền 9.000.000 đồng (*chín triệu đồng*). Hiện bà Q còn nợ T số tiền gốc 10.000.000 đồng.

- Lần 3: Vào ngày 04/9/2022, bà Q vay T số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) với hình thức trả tiền lãi suất 15%/tháng, tương ứng với tiền lãi mỗi tháng là 4.500.000 đồng. Bà Q đã trả lãi cho T 04 tháng (*tháng 9, 10, 11, 12/2022*) với tổng số tiền 18.000.000 đồng (*mười tám triệu đồng*). Hiện bà Q còn nợ T số tiền gốc 30.000.000 đồng.

- Lần 4: Vào ngày 01/11/2022, bà Q vay T số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) với hình thức trả tiền lãi suất 15%/tháng, tương ứng với tiền lãi mỗi

tháng là 1.500.000 đồng. Bà Q đã trả lãi cho T 02 tháng (11, 12/2022) với tổng số tiền 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*). Hiện bà Q còn nợ T số tiền gốc 10.000.000 đồng.

- Lần 5: Vào ngày 01/12/2022, bà Q vay số tiền 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*) với hình thức trả tiền lãi suất 15%/tháng, tương ứng với tiền lãi mỗi tháng là 3.750.000 đồng. Bà Q mới vay tiền nên T chưa lấy tiền lãi. Hiện bà Q còn nợ T số tiền gốc 25.000.000 đồng.

Như vậy, bà Q đã vay của T (năm) lần với tổng số tiền 85.000.000 đồng (*tám mươi lăm triệu đồng*) mức lãi suất vay là 15%/tháng. T đã thu lợi được tổng số tiền 40.500.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*), sau khi trừ đi tiền lãi hợp pháp 20%/1 năm là 4.505.000 đồng (*bốn triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng*) thì T thu lợi bất chính được số tiền: 35.995.000 đồng (*ba mươi lăm triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng*).

2. Bà Nguyễn Thị Thu Y vay tiền của Dương Minh T 06 (sáu) lần tại nhà T ở ấp C, xã T, huyện D.

- Lần 1: Ngày 27/01/2022, bà Y vay T số tiền 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*) với hình thức trả tiền lãi suất 10%/tháng, tương ứng với tiền lãi mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Bà Y đã đóng lãi cho T 10 tháng (*tháng 02, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11/2022*) với tổng số tiền là 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*). Hiện bà Y còn nợ T số tiền gốc 15.000.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 26/3/2022, bà Y vay của T số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) với hình thức trả tiền lãi suất 10%/tháng, tương ứng với tiền lãi mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Bà Y đã đóng lãi cho T 08 tháng (*tháng 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11/2022*) với tổng số tiền 16.000.000 đồng (*mười sáu triệu đồng*). Hiện bà Y còn nợ lại T số tiền gốc 20.000.000 đồng.

- Lần 3: Ngày 29/8/2022, bà Y vay của T số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) với hình thức trả tiền lãi suất 15%/tháng, tương ứng với tiền lãi mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Bà Y đã đóng lãi cho T 03 tháng (*tháng 9, 10, 11/2022*) với tổng số tiền 9.000.000 đồng (*chín triệu đồng*). Hiện bà Y còn nợ lại T số tiền gốc 20.000.000 đồng.

- Lần 4: Ngày 29/10/2022, bà Y vay của T số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) với hình thức trả tiền lãi suất 15%/tháng, tương ứng với tiền lãi mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Bà Y đã đóng lãi cho T tháng 11/2022 với số tiền 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm ngàn đồng*). Hiện bà Y còn nợ lại T số tiền gốc 10.000.000 đồng.

- Lần 5: Ngày 29/11/2022, bà Y vay của T số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) với hình thức trả tiền lãi suất 15%/tháng, tương ứng với tiền lãi mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Bà Y đã đóng lãi cho T tháng 11/2022 với số tiền 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*). Hiện bà Y còn nợ lại T số tiền gốc 20.000.000 đồng.

- Lần 6:

+ Dây 1: Ngày 29/7/2022, bà Y vay của T số tiền 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*) với hình thức góp gốc và lãi trong 60 ngày, mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng. Tổng số tiền bà Y sau khi góp đủ phải đưa cho T là 30.000.000 đồng. Bà Y góp đến ngày 29/8/2022 (*góp được 30 ngày với số tiền 15.000.000 đồng*) thì vay mới để đáo hạn.

+ Dây 2: Ngày 29/8/2022, bà Y đáo hạn vay của T số tiền 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*) với hình thức góp gốc và lãi trong 60 ngày, mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng. Tổng số tiền bà Y sau khi góp đủ phải đưa cho T là 30.000.000 đồng. Sau khi trừ tiền ngày góp còn nợ lại lần 1 (*15.000.000 đồng*), T đưa số tiền còn lại (*15.000.000 đồng*) cho bà Y. Bà Y góp đến ngày 24/9/2022 (*góp được 23 ngày với số tiền 11.500.000 đồng*) thì vay mới để đáo hạn.

+ Dây 3: Ngày 24/9/2022, bà Y đáo hạn vay của T số tiền 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*) với hình thức góp gốc và lãi trong 60 ngày, mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng. Tổng số tiền bà Y sau khi góp đủ phải đưa cho T là 30.000.000 đồng. Sau khi trừ tiền ngày góp còn nợ lại lần 2 (*18.500.000 đồng*), T đưa số tiền còn lại (*6.500.000 đồng*) cho bà Y. Bà Y góp đến ngày 17/10/2022 (*góp được 23 ngày với số tiền 11.500.000 đồng*) thì vay mới để đáo hạn.

+ Dây 4: Ngày 17/10/2022, bà Y đáo hạn vay của T số tiền 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*) với hình thức góp gốc và lãi trong 60 ngày, mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng. Tổng số tiền bà Y sau khi góp đủ phải đưa cho T là 30.000.000 đồng. Sau khi trừ tiền ngày góp còn nợ lại lần 3 (*18.500.000 đồng*), T đưa số tiền còn lại (*6.500.000 đồng*) cho bà Y. Bà Y góp được 08 ngày (*4.000.000 đồng*) thì đề nghị chuyển sang hình thức trả lãi đứng theo tháng. T đồng ý cho bà Y tính lãi đứng số tiền 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*) với lãi suất 15%/tháng, sau khi trừ hết khoản tiền bà Y còn nợ trong các lần vay dây thứ 6, T đưa số tiền còn lại cho bà Y. Tính đến nay, T chưa lấy lãi đối với khoản tiền vay 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*) với lãi suất 15%/tháng. Bà Y còn nợ T số tiền gốc 25.000.000 đồng.

Đối với lần vay thứ 6 bà Y đã vay 1 lần, đáo hạn 3 lần thì T đã thu được 19.000.000 đồng (*mười chín triệu đồng*) tiền lãi vay. Hiện bà Y còn nợ lại T số tiền gốc 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*).

Như vậy, bà Y đã vay của T với tổng số tiền 210.000.000 đồng (*hai trăm mười triệu đồng*), mức lãi suất vay là 10% và 15%/tháng, góp lãi và gốc theo ngày. Tơ đã thu lợi được tổng số tiền 63.500.000 đồng (*sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*), sau khi trừ đi tiền lãi hợp pháp 20%/năm là 9.951.000 đồng (*chín triệu chín trăm năm mươi một nghìn*) thì T còn thu lợi bất chính được 53.549.000 đồng (*năm mươi ba triệu năm trăm bốn mươi chín triệu đồng*).

3. Bà Huỳnh Thị Diệu H vay tiền T 02 lần.

Lần 1: Ngày 01/8/2022, bà H vay của T số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) với hình thức góp gốc và lãi trong 60 ngày, mỗi ngày góp số

tiền 1.000.000 đồng. Tổng số tiền bà H sau khi góp đủ phải đưa cho T là 60.000.000 đồng. Bà H góp được 40 ngày tương ứng số tiền 40.000.000 đồng, còn thiếu 20.000.000 đồng thì vay mới đề đảo hạn.

Lần 2: Ngày 12/9/2022, bà H vay của T số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) với hình thức góp gốc và lãi trong 60 ngày, mỗi ngày góp số tiền 1.000.000 đồng. Tổng số tiền bà H sau khi góp đủ phải đưa cho T là 60.000.000 đồng. Sau khi trừ tiền còn nợ lại 20 ngày lần 1, tương ứng số tiền 20.000.000 đồng thì bà H còn nhận được số tiền 30.000.000 đồng. Hiện bà H đã góp đủ 60 ngày tương ứng số tiền 60.000.000 đồng.

Như vậy, bà H đã vay của T với tổng số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) hình thức góp gốc và lãi trong 60 ngày, tương ứng mức lãi suất 121,6%/năm. T đã thu lợi được tổng số tiền lãi là 20.000.000 đồng, sau khi trừ đi tiền lãi hợp pháp 20%/năm là 3.287.672 đồng thì T thu lợi bất chính được số tiền 16.712.328 đồng (*mười sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi tám đồng*).

4. Bà Mai Thị H1 vay tiền Tơ 01 lần:

Ngày 01/9/2022, bà H1 vay T số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) với hình thức trả tiền lãi suất 15%/tháng, tương ứng với tiền lãi mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Bà H1 đã trả tiền lãi cho T 04 tháng (*tháng 9, 10, 11, 12/2022*) với tổng số tiền 6.000.000 đồng. Hiện bà H1 còn nợ lại T số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

Như vậy, bà H1 đã vay của T số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất vay là 15%/tháng. T đã thu lợi được tổng số tiền 6.000.000 đồng, sau khi trừ đi tiền lãi hợp pháp 20%/năm là 666.668 đồng thì T còn thu lợi bất chính được 5.333.332 đồng (*năm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi hai đồng*).

5. Bà Võ Thị Q1 vay tiền T 01 lần:

Khoảng tháng 12/2021, bà Q1 vay T số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*), với hình thức trả tiền lãi suất 10%/tháng, tương ứng với tiền lãi mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Bà Q1 đã trả tiền lãi cho T được 10 tháng (gồm tháng 12/2021, 01, 02, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9/2022) với tổng số tiền 10.000.000 đồng. Đến tháng 10, 11/2022, T nâng mức lãi suất vay từ 10%/tháng lên 15%/tháng, tương ứng tiền lãi mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Bà Q1 trả lãi tháng 10, 11/2022 là 3.000.000 đồng. Hiện bà Q1 còn nợ lại T số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

Như vậy, bà Q1 đã vay của T với tổng số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) mức lãi suất vay là 10%/tháng và 15%/tháng. T đã thu lợi được tổng số tiền 13.000.000 đồng, sau khi trừ đi tiền lãi hợp pháp 20%/năm là 2.000.004 đồng thì T còn thu lợi bất chính được 10.999.996 đồng (*mười triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng*).

6. Bà Đoàn Thị Cẩm T2 vay tiền T 01 lần:

Tháng 3/2022, bà T2 vay T số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) với hình thức trả tiền lãi suất 10%/tháng, tương ứng với tiền lãi mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Bà T2 đã đóng lãi cho T 09 tháng (*tháng 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11/2022*) với tổng số tiền 18.000.000 đồng. Hiện bà T2 còn nợ lại T số tiền gốc 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

Như vậy, bà T2 đã vay của T với tổng số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) với mức lãi suất vay là 10%/tháng. T đã thu lợi được tổng số tiền 18.000.000 đồng, sau khi trừ đi tiền lãi hợp pháp 20%/năm là 2.999.997 đồng thì T còn thu lợi bất chính được 15.000.003 đồng.

7. Ông Nguyễn Thành L1 vay tiền T 02 lần:

Lần 1: Ngày 30/6/2019, ông L1 vay T số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) với hình thức trả tiền lãi suất 10%/tháng, tương ứng với tiền lãi mỗi tháng là 2.000.000 đồng. L1 đã đóng tiền lãi cho T được các tháng 7, 8, 9, 10/2019 với tổng số tiền 8.000.000 đồng. Hiện L1 đã trả hết tiền gốc cho T.

Lần 2: Ngày 25/4/2021, L1 vay của T số tiền 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*) với hình thức trả tiền lãi suất 10%/tháng, tương ứng với tiền lãi mỗi tháng là 2.500.000 đồng. L1 đã đóng tiền lãi cho T được các tháng 5, 6/2021 với tổng số tiền 5.000.000 đồng. Hiện L1 đã trả hết tiền cho T.

Như vậy, ông L1 đã vay của T với tổng số tiền 45.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) với mức lãi suất vay là 10%/tháng. T đã thu lợi được tổng số tiền 13.000.000 đồng, sau khi trừ đi tiền lãi hợp pháp 20%/năm là 2.166.666 đồng thì T còn thu lợi bất chính được 10.833.334 đồng (*mười triệu đồng*).

8. Ông Nguyễn Hoàng A vay tiền T 01 lần:

Tháng 9/2022, ông Nguyễn Hoàng A vay của T số tiền 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*) với hình thức trả tiền lãi suất 10%/tháng, tương ứng với tiền lãi mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Hoàng A đã đóng lãi tháng 10/2022 với số tiền lãi là 1.500.000 đồng; đối với tháng 11, 12/2022 T lấy tiền lãi với mức lãi suất là 15%/tháng, tương ứng số tiền lãi mỗi tháng là 2.250.000 đồng, Hoàng A đã trả lãi tháng 11 và 12/2022 với số tiền 5.000.000 đồng. Hiện Hoàng A đã trả 4.000.000 đồng tiền gốc và còn nợ lại T số tiền 11.000.000 đồng (*mười một triệu đồng*).

Như vậy, Hoàng A đã vay của T số tiền 15.000.000 đồng mức lãi suất vay là 10%/tháng và 15%/tháng. T đã thu lợi được tổng số tiền 6.000.000 đồng, sau khi trừ đi tiền lãi hợp pháp 20%/năm là 750.000 đồng thì T thu lợi bất chính được 5.250.000 đồng (*năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

9. Ông Lê Long K vay tiền T 01 lần:

Tháng 10/2022, ông K vay T số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) với lãi suất 10%/tháng, tương ứng với tiền lãi mỗi tháng là 500.000 đồng. K đã trả tiền lãi cho T 02 tháng với số tiền là 1.000.000 đồng. K còn nợ T tiền gốc 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

Như vậy, K đã vay của T số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) mức lãi suất vay là 10%/tháng. T đã thu lợi được tổng số tiền 1.000.000 đồng, sau khi trừ đi tiền lãi hợp pháp 20%/năm là 166.666 đồng thì T thu lợi bất chính được 833.334 đồng (*tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng*).

Tổng số tiền mà Dương Minh T cho 09 người vay là 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*) và thu được số tiền lãi là 181.000.000 đồng (trong đó tiền thu theo 20% lãi suất ngân hàng là 26.493.673 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 154.506.327 đồng (*một trăm năm mươi bốn triệu, năm trăm lẻ sáu nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng*)).

Cơ quan Công an đã thu giữ, tạm giữ của Dương Minh T những tài liệu đồ vật sau:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 7 Pro 5G, màu xanh, số IMEI: 860265051314977, bên trong có gắn sim Viettel, trên sim có dãy số 8984048000302998206;

- 01 (một) quyển sổ bìa màu cam, bên trong có ghi chữ và số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 89 (có ký xác nhận của Dương Minh T và Trần Thị L);

- 02 (hai) cuốn tập học sinh, bên trong quyển tập có ghi chữ và số (có ký xác nhận của Dương Minh T);

- 08 (tám) tờ giấy vay mượn tiền giữa Dương Minh T và người vay;

- Tiền Việt Nam: 32.500.000 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Cáo trạng số 12/CT-VKSĐT ngày 14/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo Dương Minh T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Dương Minh T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Dương Minh T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, nhưng được khấu trừ vào thời gian tạm giam trước từ ngày 16/12/2022 đến ngày 15/3/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 09/6/2023, bị cáo Dương Minh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc cải tạo không giam giữ. Tại phiên tòa, bị cáo thay đổi kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc cải tạo không giam giữ, tại phiên tòa, bị cáo thay đổi kháng cáo xin hưởng án treo. Xét bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới, mức hình phạt cấp sơ thẩm xử phạt là phù hợp, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Người bào chữa phát biểu bào chữa: Bị cáo đã nộp khắc phục một phần tiền buộc nộp sung ngân sách Nhà nước theo quyết định của bản án sơ thẩm, bị cáo bị hờ van tim 03 lá, hiện tại có hoàn cảnh khó khăn, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Dương Minh T được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dương Minh T đã khai nhận hành vi phạm tội thống nhất như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định: từ tháng 6/2019 đến tháng 12/2022, tại địa bàn xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương, T đã cho 09 người dân vay tiền với mức lãi suất từ 10 đến 15%/tháng, gấp từ 5.98 đến 8.98% của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền T cho vay là 500.000.000 đồng, số tiền lãi đã thu của người vay là 181.000.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 154.506.327 đồng. Hành vi của bị cáo Dương Minh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” với tình tiết định khung “Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên” quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo tội danh, khung hình phạt và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo: Bị cáo kháng cáo cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới, đã nộp một phần tiền tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo bản án sơ thẩm. Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, tại khoản 2 Điều 3 quy định: “*Xem xét áp*

dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính đối với người thực hiện hành vi phạm tội. Trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, hoạt động dưới hình thức băng, ổ nhóm thì xem xét áp dụng hình phạt tù là hình phạt chính”, xét tính chất, mức độ hành vi vi phạm của bị cáo xét thấy việc cho bị cáo hưởng án treo là không nghiêm nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hiện bị cáo bệnh hở van tim, có hoàn cảnh khó khăn, xét thời gian bị cáo bị tạm giam cũng đủ sức răn đe giáo dục nên có căn cứ chấp nhận một phần xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có trên 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự hạ khung hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo mức hình phạt tù bằng với thời gian bị cáo bị tạm giam.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[5] Đối với số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) bị cáo nộp để nộp ngân sách Nhà nước, nên cần sửa một phần biện pháp tư pháp của bản án sơ thẩm.

[6] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Dương Minh T.

2. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương về hình phạt như sau:

2.1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Minh T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2.2 Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 46; Điều 47 và Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Dương Minh T 03 (ba) tháng tù, được khấu trừ vào thời gian bị tạm giam từ ngày 16/12/2022 đến ngày 15/3/2023, bị cáo đã chấp hành xong.

3. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương về biện pháp tư pháp như sau:

Áp dụng Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Dương Minh T nộp sung ngân sách Nhà nước 270.493.673 đồng (*hai trăm bảy mươi triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng*), được khấu trừ vào 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) bị cáo đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0007761 ngày 07/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Buộc bị cáo phải tiếp tục nộp 240.493.673 đồng (*hai trăm bốn mươi triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng*).

4. Án phí hình sự phúc thẩm

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Dương Minh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương
- (2);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Lưu VP (4), hồ sơ vụ án, PHT, 15.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quân Vương